



# PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)  
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

[www.pioneershipbrokers.com.vn](http://www.pioneershipbrokers.com.vn)

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng *Pioneer Shipbrokers* có trên *iOS* và *Android*, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 27/2023

(27/06/2023 – 03/07/2023)

### 1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, do tuần qua có nhiều quốc gia nghỉ lễ (đơn cử ngày lễ Eid kéo dài từ ngày 28/6 – 3/7) nên chỉ số BDI tiếp tục giảm thêm 165 điểm, hiện còn 1.068 điểm (mức thấp nhất từ đầu năm đến nay là 919 điểm ngày 2/6). Cước thuê tàu nhìn chung đều giảm: Capesize giảm 18%, Panamax giảm 8%, Hanysize giảm nhẹ 2% còn phân khúc Supramax thì tăng không đáng kể (dưới 1%). Tuy rằng sau lễ các quốc gia sẽ trở lại làm việc bình thường, song với hàng hóa chuyên chở khan hiếm như hiện nay thì cước thuê tàu, vốn đang ở mức thấp, khó đảo chiều ngay. Theo dòng sự kiện, thỏa thuận ngũ cốc ở Biển Đen - sáng kiến giúp duy trì an ninh lương thực toàn cầu giữa Nga với Ukraina sắp sụp đổ. Nga dường như không có ý định gia hạn thêm khi thỏa thuận kết thúc vào ngày 17/7 tới. Điều này trước mắt sẽ tác động ngay đến thị trường thuê tàu hàng khô tại khu vực Biển Đen, cụ thể các tàu nằm trong cỡ Handysize đến Panamax. Tuy nhiên, vấn đề bất ổn an ninh lương thực khiến các quốc gia tăng cường dự trữ lương thực và trong ngắn hạn, góp phần kéo cước thuê tàu khả quan hơn. Bước vào quý 3/2023, thị trường mua bán cũng ảm đạm hơn trông thấy. Tuần qua không ghi nhận nhiều giao dịch, song chiếm đa số là tàu chưa quá 15 tuổi cho thấy người Mua hiện tại đang cực kỳ ưu ái tàu trẻ. Ở phân khúc Handysize, tàu **Tomini Bora** (37.985 dwt, đóng 2016 Trung Quốc, DD 01/2024, SS 01/2026) bán với giá khoảng 19,65 triệu đô la Mỹ. Mức này khá tốt và sẽ được xem mốc tham chiếu mới cho các tàu tương tự. Tuần qua chủ tàu Lauritzen bán tàu **African Bulker** (36.170 dwt, đóng 2015 Nhật, DD 03/2024, SS 11/2025, đã lắp máy lọc khí) với giá khoảng 21,5 triệu đô la Mỹ. Cách đây gần một tháng, chủ tàu trên đã bán tàu chị em **American Bulker** trẻ hơn một tuổi (36.228 dwt, đóng 2016 Nhật, DD 02/2024, SS 06/2026) với giá khoảng 23 triệu đô la Mỹ. Hai tàu trên đều có thiết kế hầm hàng hộp, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn và chở được gỗ. Nhìn chung hiện nguồn tàu đang được chào bán khá đa dạng, song chưa thực sự sôi động do người Bán vẫn hi vọng giá tốt còn người Mua lại cố gắng chờ đợi thị trường giảm tương xứng. Nếu thị trường tiếp tục kém, người Bán điều chỉnh lại giá tàu thì người Mua sẽ tích cực hơn.

Ở mảng tàu dầu hóa chất, cước thuê tàu nhìn chung không có gì nổi bật. Thị trường mua bán còn im ắng hơn trước khi ghi nhận chưa đầy 5 tàu bán tuần qua. Dường như nhu cầu tìm mua tàu đang bị trì trệ đáng kể khi giá tàu vẫn còn neo ở mức tương đối cao. Đơn cử ở phân khúc Aframax, tàu **Minerva Zoe** (105.330 dwt, đóng 2004 Hàn Quốc, DD/SS 03/2024) vừa bán cho người Mua Trung Quốc với giá khoảng 31 triệu đô la Mỹ. Tháng 5 vừa qua, tàu chị em **Seascout** (105.330 dwt, đóng 2004 Hàn Quốc, DD/SS 01/2024) bán với giá khoảng 27 triệu đô la Mỹ. Một tàu dầu MR hiếm hoi ghi nhận bán tuần qua là **Beacon Hill** (42.278 dwt, đóng 2005 Nhật, DD/SS 01/2025) được bán với giá khoảng 19 triệu đô la Mỹ. Do không có nhiều cỡ tàu này đóng Nhật bán trong thời gian gần đây nên giá tàu **Beacon Hill** sẽ được tham khảo cho các tàu tương tự.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<b>BULKERS</b>						
<b>Agios Charalambos</b>	2003	Japan	184,872	14.00	Indian	DD 06/2024, SS 07/2026
<b>Double Prestige</b>	2011	Japan	95,709	22.00	Atlantic Coal & Bulk	DD 07/2024, SS 07/2026
<b>Lord Star</b>	2013	Japan	82,830	22.00	Greek. Thenamaris	BWTS & scrubber fitted, DD 03/2024, SS 06/2027
<b>JY Hongkong</b>	2019	China	81,107	30.00	Undisclosed	Commercial auction sale, BWTS fitted, DD/SS 08/2024
<b>KK Progression</b>	2018	Tsuneishi Cebu, Philippines	64,012	28.00	Greek	DD/SS due 09/2023
<b>Great Spirit</b>	2019	China	61,087	28.90	YZJ Shipping	BWTS fitted, DD/SS 11/2024
<b>True Love</b>	2015	China	38,762	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, cce class 1C, M/E Wartsila, DD/SS 05/2025
<b>Tomini Bora</b>	2016	China	37,985	19.65	Undisclosed	BWTS fitted, DD 01/2024, SS 01/2026, UAE-based owner
<b>African Bulker</b>	2015	Japan	36,170	21.50	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, box-shaped, log-fitted, DD 03/2024, SS 11/2025
<b>TANKERS</b>						
<b>Melodia</b>	2011	Korea	158,671	48.00	Greek	DD/SS 10/2024
<b>Epanastasea</b>	2008	China	109,647	37.50	Undisclosed	M/E Wartsila, DD 03/2026, SS 01/2028
<b>Minerva Zoe</b>	2004	Korea	105,330	31.00	Chinese	Ice class II, DD/SS 03/2024
<b>Beacon Hill</b>	2005	Japan	42,278	19.00	Undisclosed	DD/SS 01/2025
<b>CONTAINERS</b>						
<b>NYK Delphinus</b>	2007	Korea	65,950	23.00	Cosmoship Management	4888 teu, 32.3m beam, cold ironing, BWTS fitted, DD 03/2024, SS 10/2025
<b>Noro</b>	2007	Korea	44,164	Undisclosed	Undisclosed	Intlc TC until 2025, 3398 teu, DD 02/2025, SS 04/2027
<b>Maersk Penang</b>	1998	Germany	38,250	8.00	Rethymnis and Kulukundis	2890 teu, ice class II, DD/SS due 06/2023
<b>NYK Maria</b>	2009	Korea	34,558	14.50	Undisclosed	1664 teu, BWTS fitted, DD 004/2025, SS 03/2027
<b>A Kobe</b>	2023	China	24,470	28.00	Undisclosed	1800 teu, BWTS fitted, M/E MAN-B&W, DD 03/2026, SS 03/2028, Chinese owners

<b>SC Parma</b>	2003	China	16,824	9.20	Undisclosed	1209 teu, fully cellular, CR 2X45T, ice strengthened, M/E MAN-B&W, DD/SS passed 03/2023, next DD 10/2025, SS 03/2028, Greek owners
<b>Tacoma Trader</b>	2015	China	13,048	18.35	German	1102 teu, fully cellular, CR 2X45T, BWTS fitted, M/E MAN-B&W, DD 11/2023, SS 10/2025, UK-based owners

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	06/2023	1M	3M	6M	12M	

#### CAPE SIZE

180k dwt	Resale	63.50	-5%	1%	19%	0%	52.50
180k dwt	5 tuổi	50.50	-8%	-5%	16%	-6%	37.00
170k dwt	10 tuổi	31.50	-6%	-2%	11%	-16%	26.00
150k dwt	15 tuổi	19.50	-9%	-7%	5%	-20%	16.50

#### PANAMAX

82k dwt	Resale	38.50	-6%	-1%	3%	-14%	33.50
82k dwt	5 tuổi	32.00	-7%	0%	5%	-17%	26.50
76k dwt	10 tuổi	21.50	-16%	-11%	-2%	-27%	17.75
74k dwt	15 tuổi	15.00	-14%	-5%	-2%	-24%	12.00

#### SUPRAMAX

62k dwt	Resale	37.00	-6%	-3%	1%	-13%	31.25
58k dwt	5 tuổi	29.50	-8%	-3%	7%	-14%	21.50
56k dwt	10 tuổi	20.25	-8%	-4%	9%	-17%	15.75
52k dwt	15 tuổi	14.75	-8%	-8%	-3%	-22%	11.00

#### HANDYSIZE

37k dwt	Resale	32.00	-3%	3%	12%	-4%	25.50
37k dwt	5 tuổi	25.50	-6%	-4%	6%	-12%	19.00
32k dwt	10 tuổi	17.50	-10%	-8%	6%	-13%	12.50
28k dwt	15 tuổi	11.50	-12%	-8%	10%	-19%	7.75

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	06/2023	1M	3M	6M	12M	

#### VLCC

310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	1%	22%	97.00
310k dwt	5 tuổi	100.50	0%	0%	6%	30%	72.50
250k dwt	10 tuổi	75.50	-1%	-1%	7%	44%	49.50
250k dwt	15 tuổi	58.50	-3%	-3%	0%	52%	34.50

#### SUEZMAX

160k dwt	Resale	90.00	2%	5%	6%	20%	66.75
150k dwt	5 tuổi	73.50	1%	7%	14%	35%	49.75
150k dwt	10 tuổi	58.50	2%	9%	23%	52%	34.50
150k dwt	15 tuổi	37.50	1%	10%	19%	56%	21.00

#### AFRAMAX

110k dwt	Resale	79.50	0%	1%	6%	24%	54.25
110k dwt	5 tuổi	64.00	0%	2%	8%	29%	40.00
105k dwt	10 tuổi	52.50	0%	4%	18%	48%	27.50
105k dwt	15 tuổi	34.50	0%	5%	19%	50%	17.00

#### MR

52k dwt	Resale	51.00	0%	5%	5%	21%	39.00
52k dwt	5 tuổi	41.50	-2%	-1%	2%	22%	29.75
45k dwt	10 tuổi	33.50	-3%	0%	10%	31%	20.25
45k dwt	15 tuổi	23.50	-4%	4%	9%	52%	12.75

## 2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	234.00	2	Hyundai Samho	CoolCo	SH 2025	Price per unit
Container	9,000 teu	115.00	6+4	Yangzijiang	Maersk	2026 – 03/2027	Price per unit, methanol dual-fuel
Container	8,000 teu	-	2	Yangzijiang	Danaos	2026	
Bulker	210,000 dwt	64.00	2	COSCO Yangzhou	TMS	-	
Tanker	51,000 dwt	-	4	Minaminippon	Shoei Kisen	SH 2025	
Tanker	22,500 dwt	-	2	Wuhu	Donsotank	2025	Chemical tanker, ice class 1A, high specs, dual-fuel, battery packs, shore connection capability

Tanker	18,500 dwt	34.00	2	Wuhu	EGPN Bulk Carrier (expending further into tanker ownership)	2025	Price per unit, chemical IMO II tankers
--------	------------	-------	---	------	---	------	---

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	06/2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	2.36%	1.56%	0.00%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	0.00%	12.00%	7.69%	5.00%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	5.56%	4.11%	1.33%
Handysize (37.000 dwt)	33.0	3.03%	9.68%	1.49%	-1.45%

Giá trị tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	06/2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	127.0	0.00%	4.96%	4.96%	5.83%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	6.17%	4.88%	4.88%
A.max (115.000 dwt)	68.5	0.00%	7.03%	5.38%	5.38%
MR (56.000 dwt)	47.5	0.00%	4.40%	6.74%	7.95%

### 3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

#### 3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình trong tuần hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 8.241 đô la Mỹ, tăng nhẹ 63 đô la Mỹ so với mức 8.178 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, Swire chốt tàu **Federal Inspire** (63.693 dwt, đóng 2022) đi từ Xiamen (28/06) qua Tây Úc đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 10.000 đô la Mỹ, cùng lúc tàu **Ning Yue Hai** (63.562 dwt, đóng 2017) được chốt đi từ Yuhuan (27/06) qua Indonesia đến Bangladesh với giá khoảng 10.000 đô la Mỹ, thêm tàu **Dayang Orient** (56.380 dwt, đóng 2011) được chốt đi từ Cái Mép (27/06) qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 7.000 đô la Mỹ. Trong khi đó, ở Ấn Độ Dương, tàu **Ocean Tianbo** (63.579 dwt, đóng 2018) được chốt đi ngay từ Mina Saqr đến Bangladesh với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ, Norvic chốt tàu **Titan 1** (58.090 dwt, đóng 2009) đi ngay từ Tuticorin qua Nam Phi đến Bồ Đông Ấn Độ với giá khoảng 8.250 đô la Mỹ, Ultrabulk chốt tàu **Valentia Blue** (58.086 dwt, đóng 2013) đi ngay từ Vịnh Richards đến Vịnh Hoa Kỳ với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Phía Đại Tây Dương, Oldendorff chốt tàu **African Bari Bird** (63.479 dwt, đóng 2017) đi ngay từ Tây Phi đến Trung Quốc với giá khoảng 18.000 đô la Mỹ, tàu **Santa Ines** (63.449 dwt, đóng 2019) được chốt đi từ Bắc Brazil (01-07/07) đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ cộng thêm 140.000 đô la Mỹ chi phí ballast.

Thị trường phân khúc **Handies** tuần qua giảm vào cuối tuần, cụ thể cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 8.029 đô la Mỹ, giảm 168 đô la Mỹ so với mức 8.197 đô la Mỹ của tuần trước, nhìn chung vẫn tiếp tục một tuần tiêu cực đối với phân khúc này. Bất chấp nhiều nỗ lực thúc đẩy nhu cầu chở hàng ở Đại Tây Dương, xong danh sách tàu chờ vẫn chưa giảm bớt và cước vẫn đang thấp. Tàu **Agios Fanourios** (33.261 dwt, đóng 2009) được Coli Bulk chốt chở hàng rời qua Canakkle, tiếp qua Biển Đen và trả tàu ở Algeria với giá khoảng 6.750 đô la Mỹ. Navimerchants chốt tàu **Puck** (37.916 dwt, đóng 2012) đi từ Baltic đến Bồ Đào Nha với giá khoảng 5.500 đô la Mỹ. Lauritzen chốt một tàu khoảng 28.000 dwt chở hàng thạch cao từ Morocco đến Amsterdam-Rotterdam-Antwerp-Gent. Thị trường ở Vịnh Hoa Kỳ dường như là nơi yếu nhất khi mà ghi nhận được mức thấp đến kinh ngạc. Các tàu cỡ 32.000 dwt được chốt các chuyến xuyên Đại Tây Dương với giá khoảng 5.000 đô la Mỹ đến trạm hoa tiêu. Phía Bồ Đông Nam Mỹ vẫn đang tương đối ổn định, tàu **Captain Christos** (38.225 dwt, đóng 2011) được chốt Oldendorff giao nguyên trạng từ Recalada đến Morocco với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, tàu **Kharis Trinity** (28.325 dwt, đóng 2010) neo ở Vila De Conde được Worthington thuê khoảng từ 3-5 tháng và trả tàu ở Đại Tây Dương. Do vài ngày nghỉ lễ ở Singapore và vài sự kiện vận tải diễn ra nên có rất ít hoạt động ở hàng được ghi nhận ở khu vực Châu Á. Ít nhu cầu chở hàng mới trong khu vực này khiến do danh sách tàu chờ vẫn đang tăng lên, cước giảm trên khắp các tuyến hành trình. Tàu **Ocean Gracious** (38.276 dwt, đóng 2013) neo ở Taketoyo được chốt qua Nhật Bản, đến Malaysia, dự kiến chở xỉ luyện kim với giá khoảng 5.700 đô la Mỹ. Tàu **Ken Vista**

(38.206 dwt, đóng 2011) neo ở Lanshan, được chốt giao tàu ngay, chở tằm bê tông qua Nhật Bản đến Đài Loan với giá khoảng 6.000 đô la Mỹ. Tàu **Berge Scafell Pike** (37.687 dwt, đóng 2020) neo ở Lanshan được chốt đến Bờ Tây Ấn Độ với giá khoảng 8.800 đô la Mỹ và tàu **Great Vanguard** (38.652 dwt, đóng 2018) neo ở Surabaya được Ultrabulk chốt chở than, trả tàu ở Philippines với giá khoảng 7.100 đô la Mỹ.

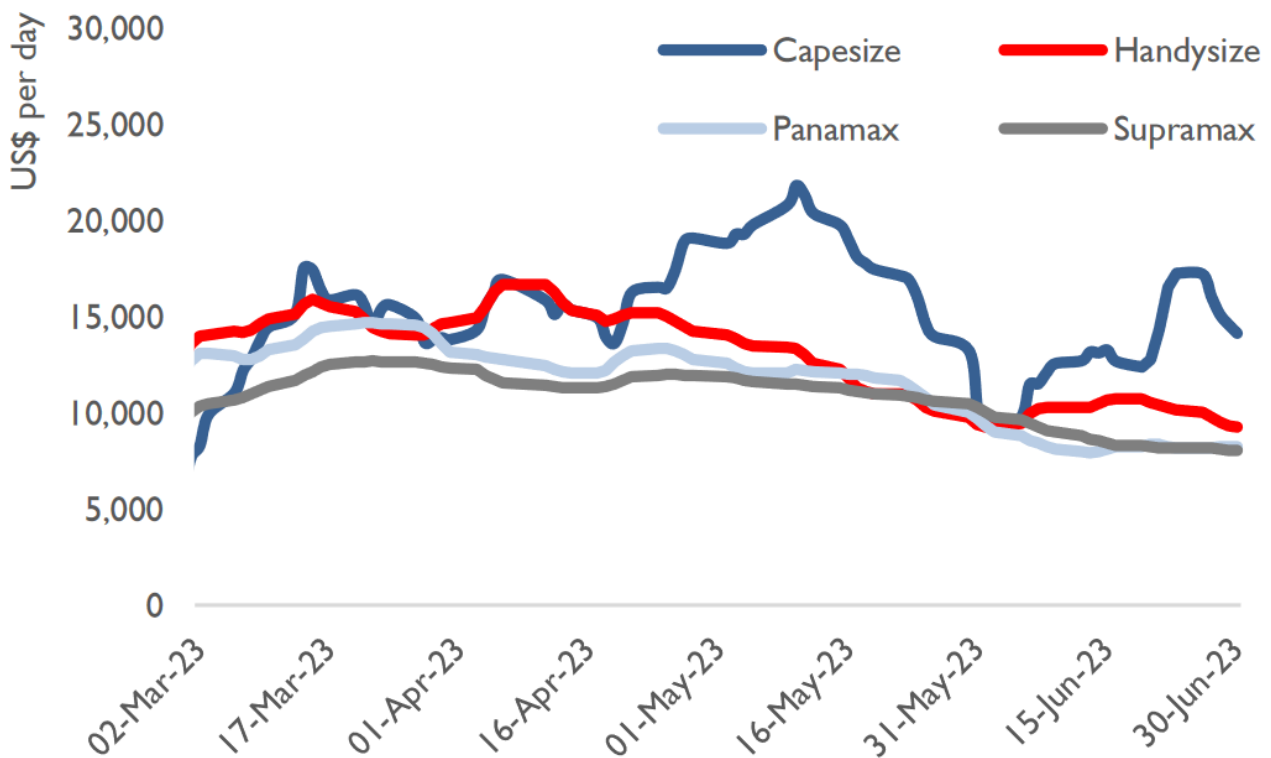
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 27/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 27/2023	TUẦN 26/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 27)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 27)
TRANSATLANTIC RV	6,845	7,683	4,830	15,233
TCT CONT/F.EAST	16,677	17,564	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	3,239	3,675	3,239	9,260
TCT F.EAST RV	8,979	9,789	6,763	14,904
<b>RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)</b>				
ATLANTIC RV	7,507	8,241	6,630	17,016
PACIFIC RV	7,550	7,188	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	10,754	12,004	10,754	19,863

### GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 30/06/2023

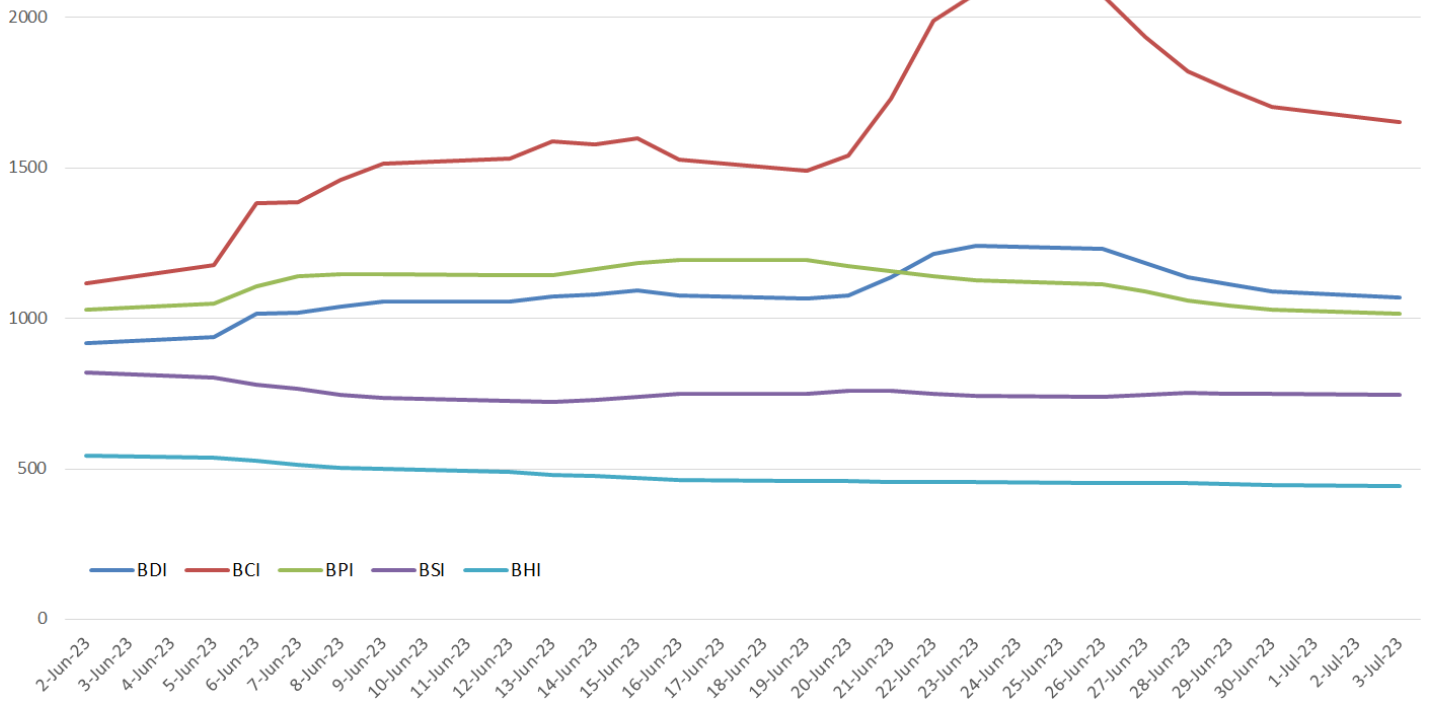
	US\$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	8,241	▲	63
HANDIES 38K	8,029	▼	168

(so sánh với giá trị ngày 23/06/2023)





## CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



### 3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 70,37 đô la Mỹ/thùng, trong khi giá dầu Brent dừng lại ở mức 75,14 đô la Mỹ/thùng. Nhìn chung, giá dầu thế giới tuần qua ghi nhận tăng nhẹ. Trong 5 phiên giao dịch của tuần, giá dầu tăng tới 4 phiên và giảm duy nhất 1 phiên. Giá dầu tuần qua bị chi phối bởi những nhân tố liên quan tới cung - cầu.

Giá dầu thô gần đây phải chịu áp lực từ việc tăng lãi suất ở các nền kinh tế chủ chốt và sự phục hồi chậm hơn dự kiến trong sản xuất và tiêu dùng của Trung Quốc. Tuy nhiên, các dấu hiệu tăng cường hoạt động kinh tế của Mỹ và sự sụt giảm mạnh trong kho dự trữ dầu của nước này vào tuần trước đã cung cấp cho thị trường một số hỗ trợ.

#### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<b>Phân khúc tàu VLCC</b>	Theo tổng hợp, cước trên tuyến Trung Đông đi Trung Quốc tiếp tục giảm do sự suy yếu của thị trường Trung Quốc khiến cho nguồn cung tàu tăng mạnh tại hầu hết tất cả các khu vực. Việc nhập khẩu dầu của Trung Quốc trong tháng bảy được dự báo giảm do lượng hàng tồn kho còn ở mức cao, đồng thời việc Ả Rập tuyên bố tăng giá bán sẽ khiến cho các giao dịch được thắt chặt hơn. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc tiếp tục giảm gần 15 điểm so với tuần trước đó và hiện đang ở quanh mức WS 50. Tại khu vực Đại Tây Dương, các thị trường có phần ổn định hơn với khá nhiều giao dịch được ký kết. Đơn cử, cước trên tuyến Tây Phi đi UKC đã tăng lên mức WS 68-70.
<b>Phân khúc tàu Suezmax</b>	Nhìn chung, các giao dịch của phân khúc tàu Suezmax không có quá nhiều nổi bật được diễn ra trong tuần vừa qua. Ghi nhận, cước trên tuyến Nigeria/Rotterdam tiếp tục giảm khoảng 20 điểm xuống mức WS 102 – xấp xỉ khoảng 40.000 đô la Mỹ/ngày. Theo một số nguồn tin, việc áp đặt truy thu thuế cho các chủ tàu từ Chính phủ Nigeria đã được trì hoãn trong vòng sáu tháng và điều này đã góp phần xoa dịu tình hình khó khăn của thị trường hiện

	<p>tại. Ở khu vực Biển Đen và Địa Trung Hải, xu hướng ổn định tiếp tục được duy trì từ tuần trước với nguồn cung tàu đang được thắt chặt, ghi nhận cước được ký kết ở mức WS 150. Trong khi đó, khu vực Trung Đông diễn ra tình trạng quá tải do nguồn cung tàu tăng mạnh, các chủ tàu Suezmax không chỉ cạnh tranh với nhau mà còn đến từ các chủ tàu VLCC.</p>
<p><b>Phân khúc tàu Aframax</b></p>	<p>Tại khu vực Địa Trung Hải và Biển Đen, các giao dịch diễn ra khá ổn định từ thời điểm giữa tuần sau khi một số đơn hàng được chào ra thị trường từ Ceyhan và Libya. Ghi nhận cước trên tuyến Ceyhan/Lavera đang ở mức WS 140. Tại khu vực Biển Bắc, các hoạt động diễn ra một cách trầm lắng với nguồn cung hàng hóa nhỏ giọt trên thị trường. Tại khu vực Châu Á, cước từ Trung Đông đi Singapore đã tăng 4.2% so với tuần trước đó do nguồn cung tàu Aframax tại khu vực khá hạn chế. Đồng thời, cước đi khu vực Đông Úc đang được ghi nhận quanh mức 32.000 đô la Mỹ/ngày và cước từ Kuwait đi Singapore đang xấp xỉ ở mức 48.500 đô la Mỹ/ngày.</p>

### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

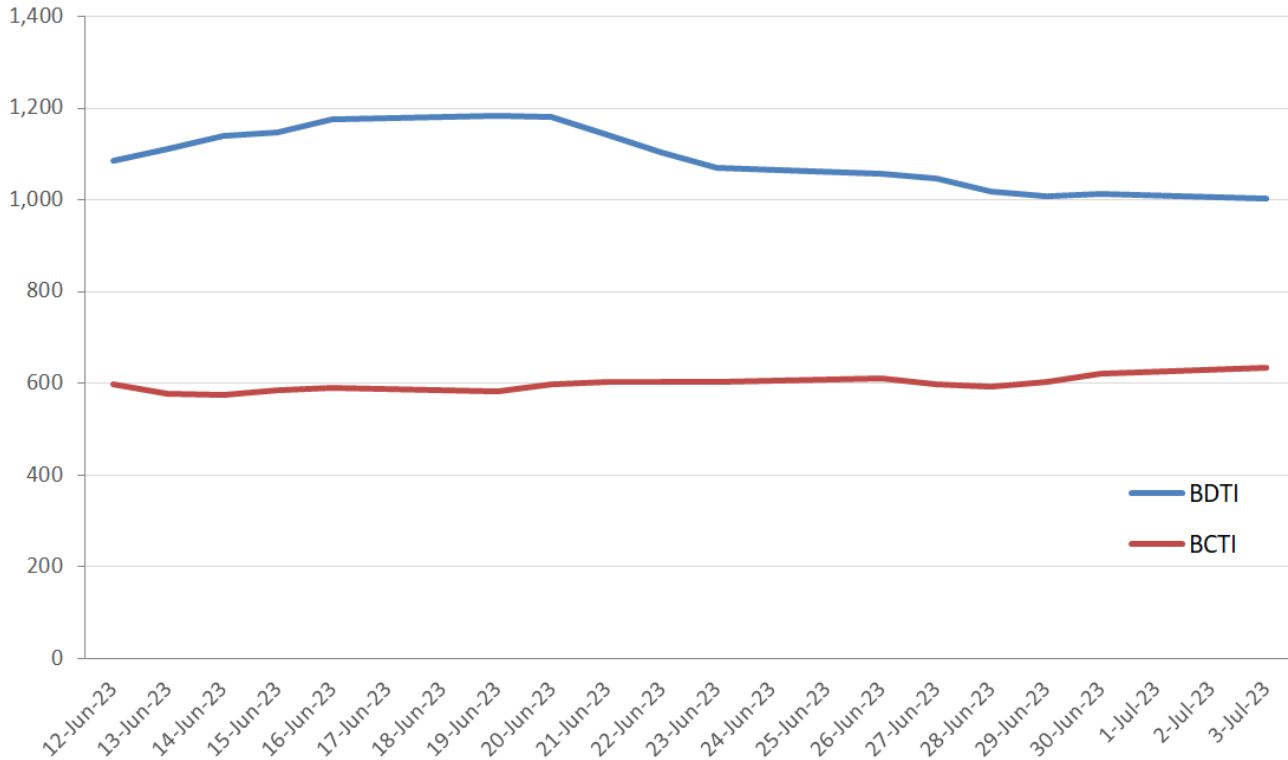
Đối với phân khúc **tàu MR**, Tại khu Bắc Á, xu hướng thị trường tiếp tục giảm xuống sau một tuần chứng kiến cước tàu tăng đột ngột. Đơn cử, cước trên tuyến Hàn Quốc/Úc đã giảm 20 điểm so với tuần trước đó và hiện đang ở mức WS 170. Theo nhận định, nếu không có sự cải thiện quá lớn đối với nguồn cung hàng hóa thì xu hướng thị trường tuần này sẽ không có nhiều sự khác biệt so với tuần trước. Tại khu vực Đông Nam Á, nguồn cung tàu sẵn có vẫn đang được xem là vấn đề lớn cần được giải quyết trong bối cảnh nguồn cung hàng hóa đang nhỏ giọt trên thị trường. Ghi nhận, cước trên tuyến Singapore đi Đông Úc được ký kết xấp xỉ ở mức 17.000 đô la Mỹ/ngày. Cùng chung xu hướng, các giao dịch tại khu vực Trung Đông cũng đã giảm do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Lễ và sự hạn chế của nguồn cung hàng hóa. Ở khu vực UKC, thị trường có phần ổn định hơn, ghi nhận cước trên tuyến Cont/USAC tăng 15 điểm lên mức WS 140 tương đương với khoảng 17.000 đô la Mỹ/ngày.

**Phân khúc tàu chở dầu/ hóa chất nhỏ:** Tại khu vực Châu Á: Theo đánh giá, hàng hóa đi mạn phía Bắc vẫn còn khá nhiều hạn chế. Nhìn chung, đa phần hàng hóa tại khu vực đều đến từ hai người thuê là Petronas và Hengyi. Đối với các giao dịch xuống khu vực phía Nam, ghi nhận một số đơn hàng đi khu vực Ấn Độ và Straits nhưng cước đang ở mức cạnh tranh. Đơn cử, cước chở 10-12.000 tấn CSS từ Hàn Quốc/Nhật đi Obi, Indonesia và Straits đang luân lượt dao động quanh mức 28-29 đô la Mỹ/tấn và 32-33 đô la Mỹ/tấn. Các ký kết chở hàng MTBE khá ổn định hơn, ghi nhận cước chở 10.000 tấn từ bắc Trung Quốc đi Straits đã được ký kết ở mức 35-38 đô la Mỹ/tấn. Cước từ khu vực Viễn Đông đi bờ tây Ấn Độ đang có xu hướng giảm mạnh. Theo tổng hợp, cước chở 5-7.000 tấn hóa chất đang ở mức 68-72 đô la Mỹ/tấn – giảm từ mức 78-79 đô la Mỹ/tấn so với một vài tuần trước đó. Đối với hàng dầu cọ, các giao dịch đi Ấn Độ và Trung Quốc đều có xu hướng tăng. Cước chở 18.000 tấn hàng đi bờ tây Ấn Độ đang ở mức 45-47 đô la Mỹ/tấn và cước chở 10-12.000 tấn đi bờ đông được ký kết quanh mức 36-39 đô la Mỹ/tấn (cước có thể cao hoặc thấp một vài đô tùy thuộc vào vị trí cảng xếp/dỡ). Nhìn chung, nguồn cung tàu tại khu vực Đông Nam Á sẽ bận rộn trong suốt tháng bảy. Ở khu vực Trung Đông, nhìn chung thị trường không mấy lạc quan do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Lễ. Tại khu vực Châu Âu: thị trường dường như đang quay trở lại xu hướng âm thầm mùa hè sau một tuần sôi động ngắn ngủi. Các đơn hàng chở SUA từ Châu Âu đi Châu Mỹ cuối tháng bảy và đầu tháng 8 đã xuất hiện trên thị trường song vẫn chưa chắc chắn. Tuy nhiên, các giao dịch chở dầu thực vật tại Biển Đen vẫn diễn ra ổn định bất chấp việc bảo trì nhà máy tại Varna – Bulgaria trong tháng bảy.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 27			Giá thuê tàu định hạn tuần 26		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	47,000	42,000	38,000	47,000	42,000	37,000
SUEZMAX	46,500	36,000	32,000	46,000	36,000	32,000
AFRAMAX	48,500	37,500	31,000	49,000	38,000	31,000
LR-2	46,000	37,000	31,000	46,500	37,500	31,500
LR-1	36,500	30,000	25,000	37,000	30,000	25,000
MR	28,500	25,000	21,500	28,500	25,000	21,500
HANDY	23,000	18,000	15,000	23,000	18,000	15,000

### CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



### 4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

#### GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	575		605		625	
2	India	520		540		560	
3	Pakistan	510		530		550	
4	Turkey	320		330		340	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)



## MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 27/2023

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	Dwt	Comments
MSC Federica	Bulker	1990	23,740	India	510.00	60,350	HKC green recycling

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG**  
**PIONEER SHIPBROKERS**  
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: [snp@pioneershipbrokers.com.vn](mailto:snp@pioneershipbrokers.com.vn)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.  
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*